

Họ và tên:

Lớp:

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 1 – ĐỀ 1**Môn: Toán – Lớp 2****Bộ sách: Chân trời sáng tạo**

Thời gian làm bài: 40 phút

I. TRẮC NGHIỆM

(Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng)

Câu 1. Số gồm 6 chục 5 đơn vị là:

- A. 56 B. 66 C. 65 D. 50

Câu 2. Số tròn chục lớn nhất có hai chữ số là

- A. 90 B. 98 C. 99 D. 100

Câu 3. Cho dãy số 2 ; 12 ; 22 ; ; ; 52 ; 62. Hai số điền vào chỗ trống trong dãy là:

- A. 32 ; 33 B. 32 ; 42 C. 42 ; 52 D. 22 ; 32

Câu 4. 8 dm = cm

- A. 8 B. 80 C. 40 D. 16

Câu 5. Nối hai đồng hồ chỉ cùng thời gian vào buổi chiều hoặc buổi tối:

22:00

16:00

20:00

Câu 6. Mai và Hằng gấp sao để trang trí bảng tin của lớp. Bạn Mai gấp được 18 ngôi sao. Bạn Hằng gấp được 25 ngôi sao. Cả hai bạn gấp được:

- A. 43 ngôi sao B. 33 ngôi sao
C. 7 ngôi sao D. 47 ngôi sao

Câu 7. Ngày 4 tháng 10 là ngày chủ nhật. Sinh nhật Heo Xinh vào ngày 6 tháng 10. Hỏi sinh nhật Heo Xinh vào ngày thứ mấy?

- A. Thứ hai B. Thứ ba C. Thứ tư D. Thứ năm

Câu 8. Số lớn nhất trong các số 58, 79, 40, 84, 29 là:

- A. 58 B. 79 C. 40 D. 84

PHẦN 2. TỰ LUẬN

Câu 1. Đặt tính rồi tính:

a) $54 + 17$

b) $39 + 55$

c) $81 - 23$

d) $94 - 36$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

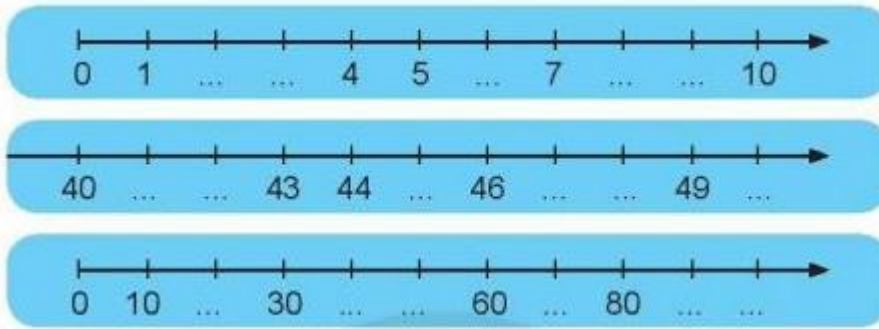
.....

.....

.....

.....

Câu 2. Quan sát các tia số sau:

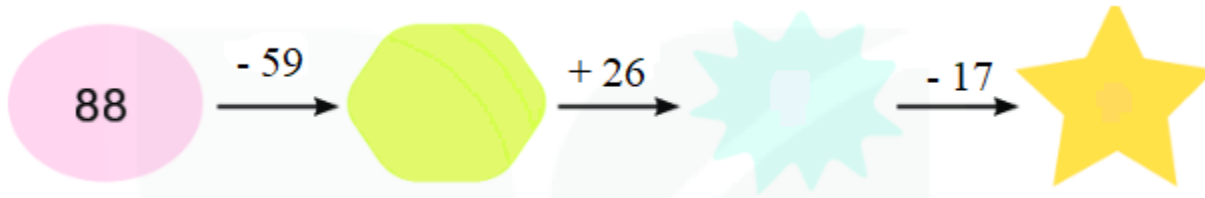


a) Viết số thích hợp vào chỗ chấm ở các tia số trên.

b) Khoanh vào số liền trước của các số 3 ; 5 ; 8.

c) Khoanh vào số liền sau của các số 49 ; 43 ; 40.

Câu 3. Số?



Câu 4. Tháng 9, bạn Nhi giành được 56 cái sticker thi đua. Tháng 10, bạn Nhi giành được ít hơn tháng 9 là 8 cái sticker. Hỏi tháng 10 bạn Nhi giành được bao nhiêu cái sticker?

.....

.....

.....

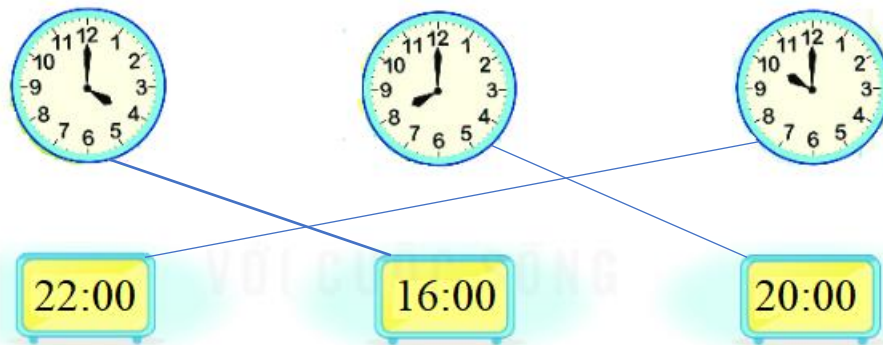
.....

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. TRẮC NGHIỆM

1. C	2. A	3. B	4. B	6. A	7. B	8. D
------	------	------	------	------	------	------

Câu 5.



II. TỰ LUẬN

Câu 1.

Đặt tính rồi tính:

a) $54 + 17$

b) $39 + 55$

c) $81 - 23$

d) $94 - 36$

Phương pháp giải

- Đặt tính sao cho các chữ số cùng hàng thẳng cột với nhau.

- Cộng hoặc trừ các chữ số thẳng cột lần lượt từ phải sang trái.

Lời giải chi tiết

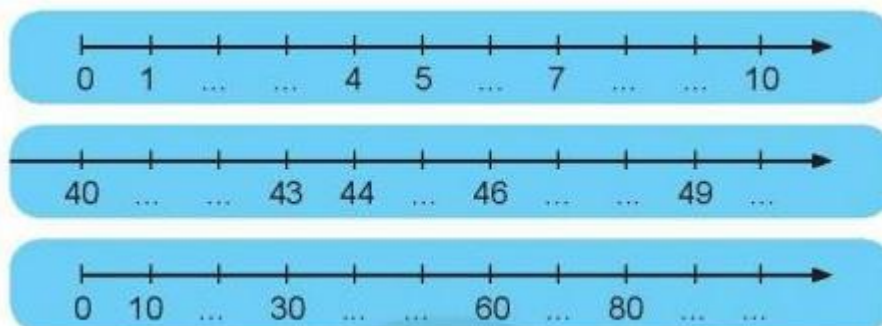
$$\begin{array}{r} 54 \\ + 17 \\ \hline 71 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 39 \\ + 55 \\ \hline 94 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 81 \\ - 23 \\ \hline 58 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 94 \\ - 36 \\ \hline 58 \end{array}$$

Câu 2. Quan sát các tia số sau:



a) Viết số thích hợp vào chỗ chấm ở các tia số trên.

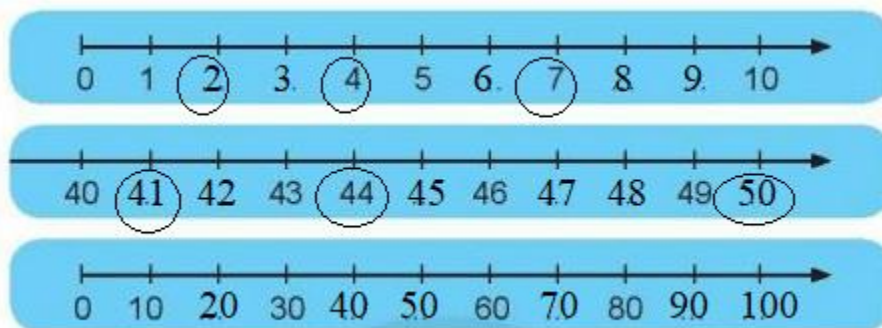
b) Khoanh vào số liền trước của các số 3 ; 5 ; 8.

c) Khoanh vào số liền sau của các số 49 ; 43 ; 40.

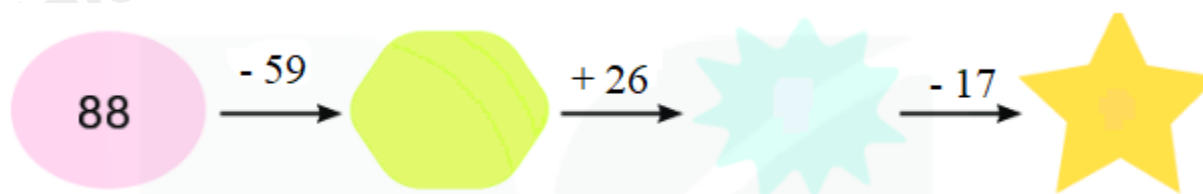
Phương pháp giải

- a) Đếm thêm 1 hoặc 10 rồi viết các số còn thiếu vào chỗ chấm
- b) Số liền trước của một số thì bé hơn số đó 1 đơn vị
- c) Số liền sau của một số thì lớn hơn số đó 1 đơn vị

Lời giải chi tiết



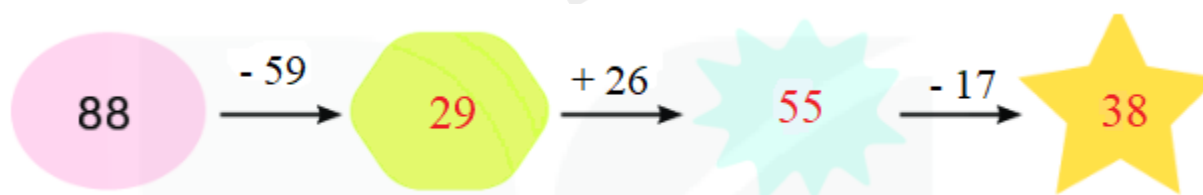
Câu 3. Số?



Phương pháp giải

Thực hiện tính kết quả các phép tính theo chiều mũi tên rồi điền các số còn thiếu vào chỗ trống.

Lời giải chi tiết



Câu 4. Tháng 9, bạn Nhi giành được 56 cái sticker thi đua. Tháng 10, bạn Nhi giành được ít hơn tháng 9 là 8 cái sticker. Hỏi tháng 10 bạn Nhi giành được bao nhiêu cái sticker?

Phương pháp giải

Số sticker giành được trong tháng 10 bằng số sticker giành được trong tháng 9 trừ đi 8 sticker

Lời giải chi tiết

Tháng 10 bạn Nhi giành được số sticker là

$$56 - 8 = 48 \text{ (cái)}$$

Đáp số: 48 cái sticker

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 1 – ĐỀ 2

Họ và tên:

Lớp:

Môn: Toán – Lớp 2

Bộ sách: Chân trời sáng tạo

Thời gian làm bài: 40 phút

I. TRẮC NGHIỆM

(Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng)

Câu 1. Số gồm 8 đơn vị và 3 chục là:

- A. 38 B. 83 C. 80 D. 10

Câu 2. Số lớn nhất có hai chữ số khác nhau là:

- A. 99 B. 100 C. 98 D. 89

Câu 3. Số lớn nhất trong dãy số 46, 75, 52, 68 là:

- A. 46 B. 75 C. 52 D. 68

Câu 4. Số thích hợp để điền vào chỗ chấm $33 \text{ dm} + 57 \text{ dm} = \dots\dots\dots \text{ dm}$ là:

- A. 90 B. 80 C. 91 D. 89

Câu 5. Bác Hà mang 75 quả trứng ra chợ bán trong đó có 18 quả trứng vịt, còn lại là trứng gà. Hỏi số quả trứng gà bác Hà mang ra chợ là bao nhiêu quả?

- A. 93 quả B. 57 quả C. 67 quả D. 66 quả

Câu 6. Ngày 26 tháng 10 là thứ Tư. Sinh nhật Nam vào ngày 30 tháng 10. Hỏi sinh nhật Nam vào ngày thứ mấy?

- A. Thứ sáu B. Thứ bảy C. Chủ nhật D. Thứ hai

Câu 7. Buổi sáng cửa hàng bán được 46 mét vải. Buổi chiều cửa hàng bán được nhiều hơn buổi sáng 17 mét vải. Hỏi buổi chiều cửa hàng đó bán được bao nhiêu mét vải?

- A. 29 m B. 53 m C. 64 m D. 63 m

PHẦN 2. TỰ LUẬN

Câu 1. Đặt tính rồi tính:

- a) $39 + 46$ b) $23 + 48$ c) $84 - 19$ d) $92 - 57$

.....

.....

.....

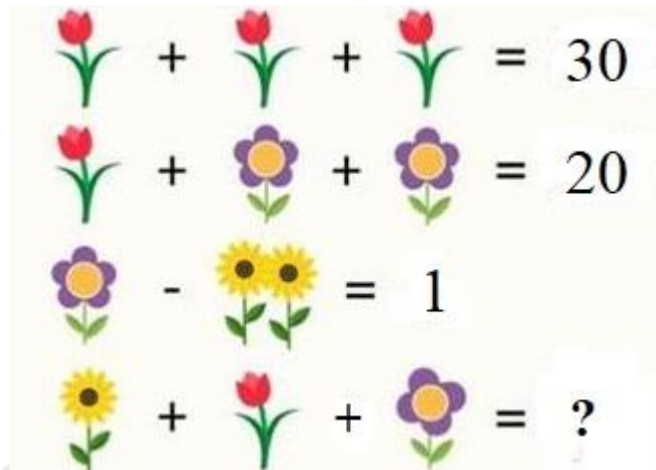
Câu 2. Tính.

- a) $57 + 23 - 16$ b) $82 - 14 - 35$

.....

.....

.....
Câu 3. Số thích hợp điền vào dấu ? là



Câu 4. Quyển truyện có 95 trang. Mai đã đọc 68 trang. Hỏi Mai còn phải đọc bao nhiêu trang nữa thì hết quyển truyện?

.....

Câu 5. Tìm hiệu của số tròn chục lớn nhất có 2 chữ số với số nhỏ nhất có 2 chữ số giống nhau?

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT ĐỀ 2

I. TRẮC NGHIỆM

1. B	2. D	3. B	4. A	5. B	6. C	7. D	8.
------	------	------	------	------	------	------	----

II. TỰ LUẬN

Câu 1. Đặt tính rồi tính:

a) $39 + 46$

b) $23 + 48$

c) $84 - 19$

d) $92 - 57$

Phương pháp giải

- Đặt tính sao cho các chữ số cùng hàng thẳng cột với nhau.

- Cộng hoặc trừ các chữ số thẳng cột lần lượt từ phải sang trái.

Lời giải chi tiết

$$\begin{array}{r} 39 \\ + 46 \\ \hline 85 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 23 \\ + 48 \\ \hline 71 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 84 \\ - 19 \\ \hline 65 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 92 \\ - 57 \\ \hline 35 \end{array}$$

Câu 2. Tính.

a) $57 + 23 - 16$

b) $82 - 14 - 35$

Phương pháp giải

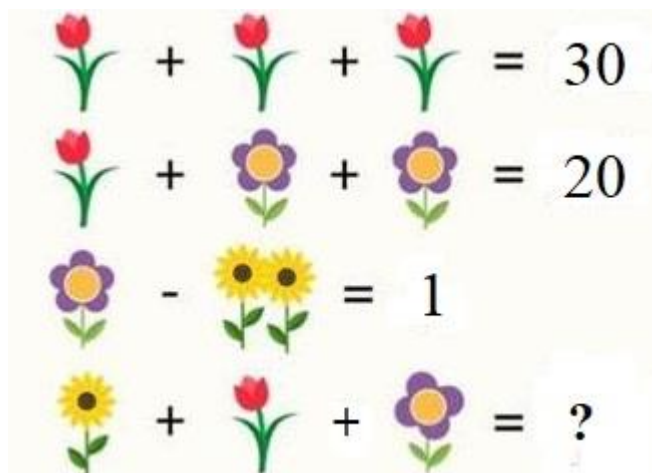
Thực hiện tính theo thứ tự từ trái sang phải.

Lời giải chi tiết

$$\begin{aligned} \text{a) } 57 + 23 - 16 &= 80 - 16 \\ &= 64 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{b) } 82 - 14 - 35 &= 68 - 35 \\ &= 33 \end{aligned}$$

Câu 3. Số thích hợp điền vào dấu ? là

**Phương pháp giải**

Tính nhằm giá trị của mỗi bông hoa theo mỗi phép tính

Lời giải chi tiết

Bông hoa hồng ứng với số 10.

Bông hoa tím ứng với số 5

Bông hoa vàng ứng với số 2

Vậy số điền vào ? là $10 + 5 + 2 = 17$

Câu 4. Quyển truyện có 95 trang. Mai đã đọc 68 trang. Hỏi Mai còn phải đọc bao nhiêu trang nữa thì hết quyển truyện?

Phương pháp giải

Mai còn phải đọc số trang là

$$95 - 68 = 27 \text{ (trang)}$$

Đáp số: 27 trang

Lời giải chi tiết

Câu 5. Tìm hiệu của số tròn chục lớn nhất có 2 chữ số với số nhỏ nhất có 2 chữ số giống nhau?

Phương pháp giải

- Xác định số tròn chục lớn nhất có 2 chữ số với số nhỏ nhất có 2 chữ số giống nhau
- Thực hiện phép trừ hai số đó

Lời giải chi tiết

- Số tròn chục lớn nhất có hai chữ số là 90.
- Số nhỏ nhất có hai chữ số giống nhau là 11.
- Hiệu của 2 số là: $90 - 11 = 79$

Họ và tên:

Lớp:

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 1 – ĐỀ 3**Môn: Toán – Lớp 2****Bộ sách: Kết nối tri thức**

Thời gian làm bài: 40 phút

I. TRẮC NGHIỆM

(Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng)

Câu 1. Số liền trước của số 87 là:

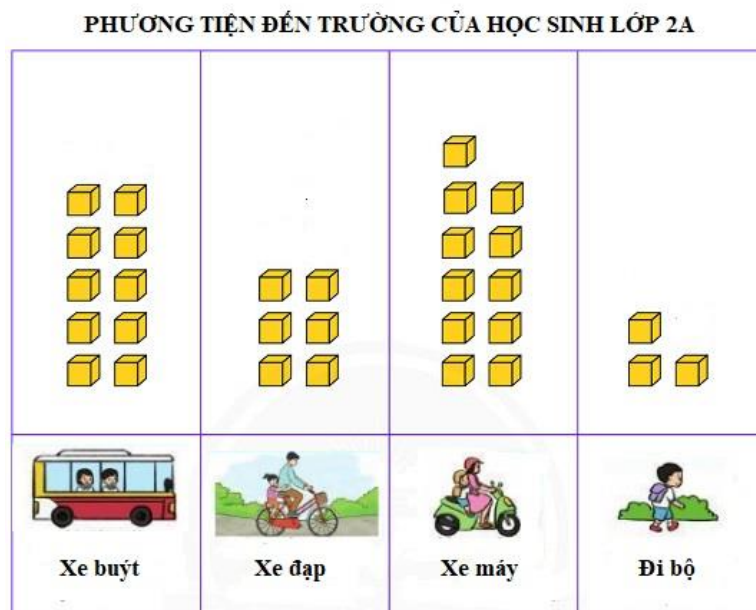

- A. 88 B. 89 C. 86 D. 85

Câu 2. Giá trị của x thỏa mãn $x + 26 = 74$ là:

- A. 100 B. 48 C. 90 D. 58

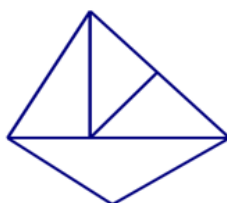
Câu 3. Các số 79, 87, 68; 59 được viết theo thứ tự từ bé đến lớn là:

- A. 59 ; 79 ; 68 ; 87 B. 87 ; 79 ; 68 ; 59
C. 68 ; 59 ; 79 ; 87 D. 59 ; 68 ; 79 ; 87

Câu 4. Quan sát biểu đồ tranh sau:Mỗi  thể hiện một học sinh.

Các học sinh đến trường bằng phương tiện nào nhiều nhất:

- A. Xe buýt B. Xe đạp C. Xe máy D. Đi bộ

Câu 5. Hình bên có số hình tam giác là:

- A. 4 B. 5 C. 6 D. 7

Câu 6. Thứ năm tuần này là ngày 29 tháng 12. Thứ năm tuần trước là ngày:

- A. 21 B. 22 C. 5 D. 23

Câu 7. Mạnh có 64 viên bi. Huy có ít hơn mạnh 27 viên bi. Huy có số viên bi là:

- A. 44 B. 47 C. 54 D. 37

Câu 8. Nối hai đồng hồ chỉ cùng thời gian vào buổi chiều hoặc buổi tối:



16 : 00



20 : 00



18 : 00



17 : 00

PHẦN 2. TỰ LUẬN

Câu 1. Đặt tính rồi tính:

- a) $22 + 38$ b) $42 + 39$ c) $63 - 17$ d) $82 - 48$

.....

Câu 2. Tính:

- a) $100 - 34 + 28 =$
 =
- b) $47 + 29 - 15 =$
 =

Câu 3. Cô Hoa cắt 19 dm để may áo thì mảnh vải còn lại dài 45 dm. Hỏi lúc đầu mảnh vải dài bao nhiêu đề-xi-mét?

.....

Câu 4. Trong một phép tính cộng có tổng bằng 64, nếu giữ nguyên một số hạng và giảm số hạng kia đi 8 đơn vị thì tổng mới là bao nhiêu?

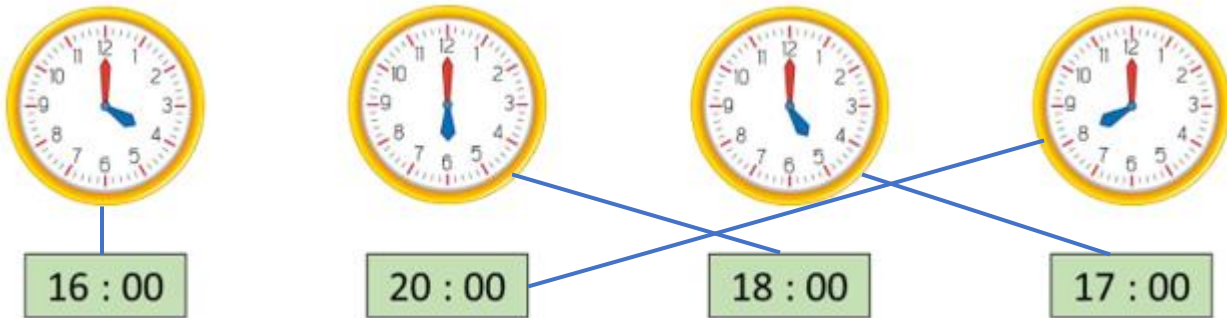
.....

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT – ĐỀ 3

I. TRẮC NGHIỆM

1. C	2. B	3. D	4. C	5. C	6. B	7. D
------	------	------	------	------	------	------

8. Ta nối như sau:



II. TỰ LUẬN

Câu 1. Đặt tính rồi tính:

a) $22 + 38$

b) $42 + 39$

c) $63 - 17$

d) $82 - 48$

Phương pháp giải

- Đặt tính sao cho các chữ số cùng hàng thẳng cột với nhau.

- Cộng hoặc trừ các chữ số thẳng cột lần lượt từ phải sang trái.

Lời giải chi tiết

$$\begin{array}{r} 22 \\ + 38 \\ \hline 60 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 42 \\ + 39 \\ \hline 81 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 63 \\ - 17 \\ \hline 46 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 82 \\ - 48 \\ \hline 34 \end{array}$$

Câu 2. Tính:

$$\begin{aligned} \text{a) } 100 - 34 + 28 &= \dots\dots\dots \\ &= \dots\dots\dots \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{b) } 47 + 29 - 15 &= \dots\dots\dots \\ &= \dots\dots\dots \end{aligned}$$

Phương pháp giải

Thực hiện tính theo thứ tự từ trái sang phải.

Lời giải chi tiết

$$\begin{aligned} \text{a) } 100 - 34 + 28 &= 66 + 28 \\ &= 94 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{b) } 47 + 29 - 15 &= 76 - 15 \\ &= 61 \end{aligned}$$

Câu 3. Cô Hoa cắt 19 dm để may áo thì mảnh vải còn lại dài 45 dm. Hỏi lúc đầu mảnh vải dài bao nhiêu đề-xi-mét?

Phương pháp giải

Độ dài của mảnh vải = Số dm mét đã cắt đi + số dm vải còn lại

Lời giải chi tiết

Lúc đầu mảnh vải dài số đề-xi-mét là

$$19 + 45 = 64 \text{ (dm)}$$

Đáp số: 64 dm

Câu 4. Trong một phép tính cộng có tổng bằng 64, nếu giữ nguyên một số hạng và giảm số hạng kia đi 8 đơn vị thì tổng mới là bao nhiêu?

Phương pháp giải

Trong một phép cộng nếu giữ nguyên một số hạng và giảm số hạng kia đi 8 đơn vị thì tổng mới giảm đi 8 đơn vị.

Lời giải chi tiết

Trong một phép cộng, nếu giữ nguyên một số hạng và giảm số hạng kia đi 8 đơn vị thì tổng mới giảm đi 8 đơn vị.

Tổng mới là $64 - 8 = 56$

Đáp số: 56

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 1 – ĐỀ 4

Họ và tên:

Lớp:

Môn: Toán – Lớp 2

Bộ sách: Kết nối tri thức

Thời gian làm bài: 40 phút

I. TRẮC NGHIỆM

(Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng)

Câu 1. Số liền trước của số 78 là:

- A. 87 B. 77 C. 79 D. 86

Câu 2. Số 65 được đọc là:

- A. Sáu lăm B. Sáu mươi năm
C. Sáu mươi lăm D. Sáu năm

Câu 3. Tổng của $46 + 38$ là:

- A. 84 B. 74 C. 75 D. 83

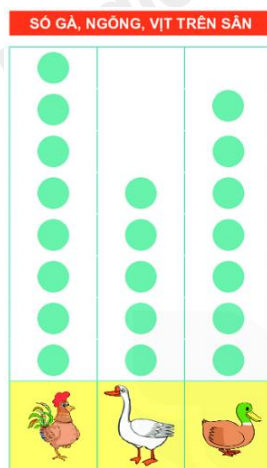
Câu 4. Lan cho Thu 12 viên phấn thì Lan còn lại ba chục viên phấn. Lúc đầu Lan có số viên phấn là?

- A. 15 viên B. 18 viên C. 52 viên D. 42 viên

Câu 5. $5 \text{ dm} + 37 \text{ cm} = \dots\dots\dots$

- A. 87 B. 42 cm C. 42 dm D. 87 cm

Câu 6. Cho biểu đồ sau: (Mỗi chấm tròn biểu thị cho 1 con vật)



Số ngỗng ít hơn số gà mấy con?

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 7. Kết quả của phép tính sau là $53 - 8 + 17 = \dots\dots\dots$

- A. 45 B. 52 C. 63 D. 62

Câu 8. 23 giờ còn được gọi là:

- A. 10 giờ đêm B. 11 giờ đêm
C. 11 giờ trưa D. 10 giờ sáng

PHẦN 2. TỰ LUẬN**Câu 1.** Đặt tính rồi tính:

a) $27 + 34$

b) $29 + 48$

c) $71 - 25$

d) $100 - 73$

Câu 2. Xem tờ lịch tháng 11, viết số hoặc chữ thích hợp vào chỗ chấm:

	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy	Chủ nhật
Tháng 11	1	2	3	4	5	6	7
	8	9	10	11	12	13	14
	15	16	17	18	19	20	21
	22	23	24	25	26	27	28
	29	30					

- Tháng 11 có ngày.
- Ngày Nhà giáo Việt Nam 20 tháng 11 là thứ
- Tháng 11 có..... ngày chủ nhật, đó là các ngày.....
- Tuần này, thứ sáu là ngày 12. Tuần trước, thứ sáu là ngày

Câu 3. Mẹ cân nặng 58 kg, Minh nhẹ hơn mẹ 29 kg. Hỏi Minh cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam?**Câu 4.** Hiệu hai số bằng 74, nếu giữ nguyên số trừ, bớt số bị trừ đi 9 đơn vị thì hiệu hai số khi đó bằng bao nhiêu?

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT – ĐỀ 4

I. TRẮC NGHIỆM

1. B	2. C	3. A	4. D	5. D	6. C	7. D	8. B
------	------	------	------	------	------	------	------

II. TỰ LUẬN

Câu 1.

Đặt tính rồi tính:

a) $27 + 34$

b) $29 + 48$

c) $71 - 25$

d) $100 - 73$

Phương pháp giải

- Đặt tính sao cho các chữ số cùng hàng thẳng cột với nhau.

- Cộng hoặc trừ các chữ số thẳng cột lần lượt từ phải sang trái.

Lời giải chi tiết

$$\begin{array}{r} 27 \\ + 34 \\ \hline 61 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 29 \\ + 48 \\ \hline 77 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 71 \\ - 25 \\ \hline 46 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 100 \\ - 73 \\ \hline 27 \end{array}$$

Câu 2. Xem tờ lịch tháng 11, viết số hoặc chữ thích hợp vào chỗ chấm:

	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy	Chủ nhật
Tháng 11	1	2	3	4	5	6	7
	8	9	10	11	12	13	14
	15	16	17	18	19	20	21
	22	23	24	25	26	27	28
	29	30					

- Tháng 11 có ngày.

- Ngày Nhà giáo Việt Nam 20 tháng 11 là thứ

- Tháng 11 có..... ngày chủ nhật, đó là các ngày.....

- Tuần này, thứ sáu là ngày 12. Tuần trước, thứ sáu là ngày

Phương pháp giải

Xem tờ lịch tháng 11 để trả lời câu hỏi.

Lời giải chi tiết

- Tháng 11 có **30** ngày.

- Ngày Nhà giáo Việt Nam 20 tháng 11 là thứ **Bảy**

- Tháng 11 có **4** ngày chủ nhật, đó là các ngày **7, 14, 21, 28**.

- Tuần này, thứ sáu là ngày 12. Tuần trước, thứ sáu là ngày 5.

Câu 3. Mẹ cân nặng 58 kg, Minh nhẹ hơn mẹ 29 kg. Hỏi Minh cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

Phương pháp giải

Cân nặng của Minh = Cân nặng của mẹ - 29 kg

Lời giải chi tiết

Cân nặng của Minh là

$$58 - 29 = 29 \text{ (kg)}$$

Đáp số: 29 kg

Câu 4. Hiệu hai số bằng 74, nếu giữ nguyên số trừ, bớt số bị trừ đi 9 đơn vị thì hiệu hai số khi đó bằng bao nhiêu?

Phương pháp giải

Áp dụng kiến thức: Số bị trừ - số trừ = hiệu

Lời giải chi tiết

Trong một hiệu, nếu giữ nguyên số trừ và bớt số bị trừ đi 9 đơn vị thì hiệu giảm đi 9 đơn vị.

Hiệu của hai số khi đó là $74 - 9 = 65$

Họ và tên:

Lớp:

Môn: Toán – Lớp 2

Bộ sách: Kết nối tri thức

Thời gian làm bài: 40 phút

I. TRẮC NGHIỆM

(Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng)

Câu 1. Số gồm 7 chục 6 đơn vị là:

- A. 67 B. 70 C. 76 D. 66

Câu 2. Số lớn nhất có hai chữ số khác nhau là:

- A. 100 B. 98 C. 99 D. 90

Câu 3. Các số 89, 87, 98, 65 được viết theo thứ tự từ bé đến lớn là:

- A. 89; 87; 98, 65 B. 65, 89, 98, 87
C. 87, 89, 98, 65 D. 65, 87, 89, 98

Câu 4: Trong hộp có 2 quả bóng xanh, 1 quả bóng đỏ và 2 quả bóng vàng. Không nhìn vào hộp, Nam lấy ra 1 quả bóng từ chiếc hộp đó. Khả năng nào xảy ra trong mỗi trường hợp sau:

- A. Nam chắc chắn lấy được 1 quả bóng xanh
B. Nam không thể lấy được quả bóng đỏ
C. Nam có thể lấy được 1 quả bóng vàng
D. Trong hộp có thể còn lại 3 quả bóng

Câu 5. Tổ 1 trồng được 48 cây xanh, tổ 2 trồng được 37 cây xanh. Hỏi cả hai tổ trồng được bao nhiêu cây xanh?

- A. 85 cây B. 75 cây C. 11 cây D. 84 cây

Câu 6. Một người đã ghi lại thời tiết trong tháng 6 như sau:

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
21	22	23	24	25	26	27	28	29	30

Em hãy quan sát hình trên và chọn đáp án đúng nhất.

- A. Số ngày mưa nhiều nhất trong tháng
B. Số ngày nhiều mây nhiều nhất trong tháng

C. Số ngày nắng nhiều nhất trong tháng

D. Số ngày mưa bằng số ngày nắng trong tháng

PHẦN 2. TỰ LUẬN

Câu 1. Đặt tính rồi tính

a) $47 + 25$

b) $93 - 28$

c) $56 + 34$

d) $100 - 47$

Câu 2. Tìm x

a) $27 + x = 51$

b) $63 - x = 25$

Câu 3. Xem tờ lịch tháng 12 dưới đây rồi trả lời câu hỏi:

	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy	Chủ nhật
Tháng 12			1	2	3	4	5
	6	7	8	9	10	11	12
	13	14	15	16	17	18	19
	20	21	22	23	24	25	26
	27	28	29	30	31		

Tháng 12 có ngày.

Ngày đầu tiên của tháng 12 là thứ.....

Ngày chủ nhật cuối cùng của tháng 12 là ngày.....

Câu 4. Một cửa hàng có 85 chiếc xe đạp, đã bán được 27 chiếc xe đạp. Hỏi cửa hàng còn lại bao nhiêu chiếc xe đạp?

Câu 5. Tìm hiệu của 43 và số tròn chục nhỏ nhất có hai chữ số.

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT – ĐỀ 5

I. TRẮC NGHIỆM

1. C	2. B	3. D	4. C	5. A	6. D
------	------	------	------	------	------

II. TỰ LUẬN

Câu 1. Đặt tính rồi tính

- a) $47 + 25$ b) $93 - 28$ c) $56 + 34$ d) $100 - 47$

Phương pháp giải

- Đặt tính sao cho các chữ số cùng hàng thẳng cột với nhau.
- Cộng hoặc trừ các chữ số thẳng cột lần lượt từ phải sang trái.

Lời giải chi tiết

$$\begin{array}{r} 47 \\ + 25 \\ \hline 72 \end{array} \quad \begin{array}{r} 93 \\ - 28 \\ \hline 65 \end{array} \quad \begin{array}{r} 56 \\ + 34 \\ \hline 90 \end{array} \quad \begin{array}{r} 100 \\ - 47 \\ \hline 53 \end{array}$$

Câu 2. Tìm x

- a) $27 + x = 51$ b) $63 - x = 25$

Phương pháp giải

- a) $27 + x = 51$ b) $63 - x = 25$
 $x = 51 - 27$ $x = 63 - 25$
 $x = 24$ $x = 38$

Lời giải chi tiết

Câu 3. Xem tờ lịch tháng 12 dưới đây rồi trả lời câu hỏi:

	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy	Chủ nhật
Tháng 12			1	2	3	4	5
	6	7	8	9	10	11	12
	13	14	15	16	17	18	19
	20	21	22	23	24	25	26
	27	28	29	30	31		

Tháng 12 có ngày.

Ngày đầu tiên của tháng 12 là thứ.....

Ngày chủ nhật cuối cùng của tháng 12 là ngày.....

Phương pháp giải

Xem tờ lịch tháng 12 rồi thông tin còn thiếu vào chỗ chấm.

Lời giải chi tiết

Tháng 12 có **31** ngày.

Ngày đầu tiên của tháng 12 là thứ **Tu**.

Ngày chủ nhật cuối cùng của tháng 12 là ngày **26**.

Câu 4. Một cửa hàng có 85 chiếc xe đạp, đã bán được 27 chiếc xe đạp. Hỏi cửa hàng còn lại bao nhiêu chiếc xe đạp?

Phương pháp giải

Số chiếc xe đạp còn lại = Số chiếc xe cửa hàng có – số chiếc xe đã bán

Lời giải chi tiết

Cửa hàng còn lại số chiếc xe đạp là

$$85 - 27 = 58 \text{ (chiếc)}$$

Đáp số: 58 chiếc xe đạp

Câu 5. Tìm hiệu của 43 và số tròn chục nhỏ nhất có hai chữ số.

Phương pháp giải

- Tìm số tròn chục nhỏ nhất có hai chữ số
- Tìm hiệu của 43 và số vừa tìm

Lời giải chi tiết

Số tròn chục nhỏ nhất có hai chữ số là số 10.

Hiệu của 43 và số tròn chục nhỏ nhất có hai chữ số là $43 - 10 = 33$.

Họ và tên:

Lớp:

Môn: Toán – Lớp 2

Bộ sách: Kết nối tri thức

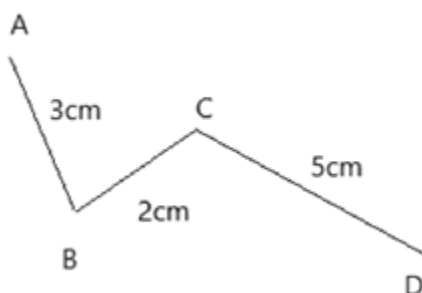
Thời gian làm bài: 40 phút

I. TRẮC NGHIỆM

(Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng)

Câu 1. Số tròn chục lớn nhất có hai chữ số là:

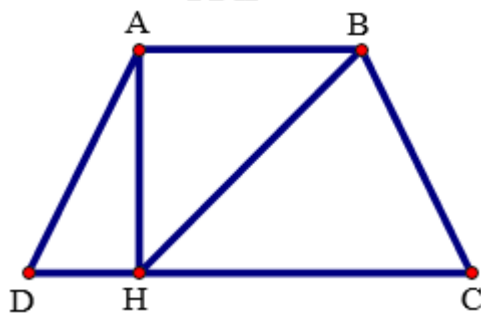
- A. 90 B. 98 C. 99 D. 100

Câu 2. Độ dài đường gấp khúc ABCD là:

- A. 7 cm B. 8 cm C. 9 cm D. 10 cm

Câu 3. Kết quả của phép tính sau là $82 - 28 + 15 = \dots\dots$

- A. 79 B. 68 C. 69 D. 59

Câu 4. Hình vẽ bên có bao nhiêu đoạn thẳng?

- A. 8 B. 7 C. 6 D. 5

Câu 5. Số thích hợp điền vào ô trống dưới đây lần lượt là:

$$42 + 18 = \square = 36 + \square$$

- A. 50 và 14 B. 60 và 24 C. 50 và 24 D. 60 và 34

Câu 6. Một cửa hàng ngày thứ nhất bán được 18 bao gạo. Ngày thứ hai cửa hàng bán nhiều hơn ngày thứ nhất 24 bao gạo. Hỏi ngày thứ hai cửa hàng bán được bao nhiêu bao gạo?

- A. 32 bao gạo B. 42 bao gạo
C. 16 bao gạo D. 43 bao gạo

PHẦN 2. TỰ LUẬN**Câu 1.** Đặt tính rồi tính:

a) $25 + 48$

b) $80 - 36$

c) $64 + 8$

d) $53 - 17$

Câu 2. Điền dấu $>$, $<$, $=$ thích hợp vào chỗ chấm:

$19 + 15 \dots\dots 33$

$56 - 37 \dots\dots 19$

$38 + 46 \dots\dots 74$

$97 - 48 \dots\dots 50$

Câu 3. Một cửa hàng có 83 cái áo, cửa hàng đã bán 27 cái áo. Hỏi cửa hàng đó còn lại bao nhiêu cái áo?**Câu 4.** Cho biểu đồ về số quả cam, táo, xoài trong một bữa tiệc liên hoan:

SỐ QUẢ CAM, TÁO, XOÀI TRONG BUỔI LIÊN HOAN

*Ghi chú:* Mỗi ● là 1 quả.

Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

Có quả cam, quả táo, quả xoài.

Số quả xoài nhiều hơn số quả táo là quả.

Câu 5. Sau khi thêm vào số lớn 19 đơn vị và bớt ở số bé đi 7 đơn vị thì tổng hai số bằng 72. Tìm tổng hai số ban đầu.

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT – ĐỀ 6

I. TRẮC NGHIỆM

1. A	2. D	3. C	4. A	5. B	6. B
------	------	------	------	------	------

II. TỰ LUẬN

Câu 1. Đặt tính rồi tính:

- a) $25 + 48$ b) $80 - 36$ c) $64 + 8$ d) $53 - 17$

Phương pháp giải

- Đặt tính sao cho các chữ số cùng hàng thẳng cột với nhau.
- Cộng hoặc trừ các chữ số thẳng cột lần lượt từ phải sang trái.

Lời giải chi tiết

$$\begin{array}{r} 25 \\ + 48 \\ \hline 73 \end{array} \quad \begin{array}{r} 80 \\ - 36 \\ \hline 44 \end{array} \quad \begin{array}{r} 64 \\ + 8 \\ \hline 72 \end{array} \quad \begin{array}{r} 53 \\ - 17 \\ \hline 36 \end{array}$$

Câu 2. Điền dấu $>$, $<$, $=$ thích hợp vào chỗ chấm:

$$19 + 15 \dots\dots 33 \qquad \qquad \qquad 56 - 37 \dots\dots 19$$

$$38 + 46 \dots\dots 74 \qquad \qquad \qquad 97 - 48 \dots\dots 50$$

Phương pháp giải

Tính nhằm kết quả về phải rồi điền dấu thích hợp vào ô trống.

Lời giải chi tiết

$$\begin{array}{r} 19 + 15 > 33 \\ \hline 34 \end{array} \qquad \qquad \qquad \begin{array}{r} 56 - 37 = 19 \\ \hline 19 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 38 + 46 > 74 \\ \hline 84 \end{array} \qquad \qquad \qquad \begin{array}{r} 97 - 48 < 50 \\ \hline 49 \end{array}$$

Câu 3. Một cửa hàng có 83 cái áo, cửa hàng đã bán 27 cái áo. Hỏi cửa hàng đó còn lại bao nhiêu cái áo?

Phương pháp giải

Số cái áo còn lại = Số cái áo cửa hàng có tất cả - Số cái áo đã bán

Lời giải chi tiết

Cửa hàng còn lại số cái áo là

$$83 - 27 = 56 \text{ (cái áo)}$$

Đáp số: 56 cái áo

Câu 4. Cho biểu đồ về số quả cam, táo, xoài trong một bữa tiệc liên hoan:

SỐ QUẢ CAM, TÁO, XOÀI TRONG BUỔI LIÊN HOAN



Ghi chú: Mỗi ● là 1 quả.

Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

Có quả cam, quả táo, quả xoài.

Số quả xoài nhiều hơn số quả táo là quả.

Phương pháp giải

Đếm số quả mỗi loại có trong hình.

Lời giải chi tiết

Có **10** quả cam, **9** quả táo, **12** quả xoài.

Số quả xoài nhiều hơn số quả táo là **3** quả.

Câu 5. Sau khi thêm vào số lớn 19 đơn vị và bớt ở số bé đi 7 đơn vị thì tổng hai số bằng 72. Tìm tổng hai số ban đầu.

Phương pháp giải

Trong một tổng, nếu tăng (giảm) số hạng đi bao nhiêu đơn vị thì tổng tăng (giảm) bấy nhiêu đơn vị

Lời giải chi tiết

Sau khi thêm vào số lớn 19 đơn vị thì tổng của hai số tăng thêm 19 đơn vị.

Sau khi bớt ở số bé đi 7 đơn vị thì tổng của hai số giảm đi 7 đơn vị.

Tổng của hai số ban đầu là $72 - 19 + 7 = 60$.

Họ và tên:

Lớp:

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 1 – ĐỀ 7

Môn: Toán – Lớp 2

Bộ sách: Chân trời sáng tạo

Thời gian làm bài: 40 phút

I. TRẮC NGHIỆM

(Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng)

Câu 1. Số thích hợp điền vào chỗ chấm $24 \text{ kg} + 5 \text{ kg} + 26 \text{ kg} = \dots\dots \text{ kg}$ là:

- A. 50 kg B. 45 kg C. 55 kg D. 60 kg

Câu 2. Tính tổng, biết các số hạng là 48 và 17:

- A. 31 B. 65 C. 41 D. 55

Câu 3. Đồng hồ bên chỉ:



- A. 1 giờ B. 6 giờ C. 12 giờ D. 11 giờ

Câu 4. Bàn học của em dài khoảng bao nhiêu đề-xi-mét?

- A. 11 dm B. 30 dm C. 2 dm D. 100 cm

Câu 5. Mẹ vắt được 67 lít sữa bò, chị vắt được 33 lít sữa bò. Hỏi mẹ và chị vắt được bao nhiêu lít sữa bò?

- A. 34 lít B. 100 lít C. 44 lít D. 90 lít

Câu 6. Quan sát biểu đồ sau:

SỐ QUE TÍNH TRONG MỖI HỘP	
Hộp A	
Hộp B	
Hộp C	

Mỗi gồm 10 que tính

Hộp B có nhiều hơn hộp C bao nhiêu que tính:

- A. 80 B. 60 C. 40 D. 20

PHẦN 2. TỰ LUẬN

Câu 1. Đặt tính rồi tính:

a) $26 + 35$

b) $26 + 59$

c) $75 - 17$

d) $60 - 43$

.....

.....

.....

Câu 2. Hãy vẽ thêm kim giờ để đồng hồ chỉ:



3 giờ



20 giờ

Câu 3. Bao gạo cân nặng 45 kg, bao gạo nhẹ hơn bao ngô 8 kg. Vậy bao ngô cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

.....

.....

.....

Câu 4. Quan sát hình vẽ dưới đây cho biết:



- a) Hình vẽ có bao nhiêu điểm?
- b) Hình vẽ có bao nhiêu đoạn thẳng?
- c) Hình vẽ có bao nhiêu hình tam giác?

.....

.....

.....

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT – ĐỀ 7

I. TRẮC NGHIỆM

1. C	2. B	3. C	4. A	5. B	6. D
------	------	------	------	------	------

II. TỰ LUẬN

Câu 1. Đặt tính rồi tính:

- a) $26 + 35$ b) $26 + 59$ c) $75 - 17$ d) $60 - 43$

Phương pháp giải

- Đặt tính sao cho các chữ số cùng hàng thẳng cột với nhau
- Cộng hoặc trừ các chữ số thẳng cột lần lượt từ phải sang trái.

Lời giải chi tiết

$$\begin{array}{r} 26 \\ + 35 \\ \hline 61 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 26 \\ + 59 \\ \hline 85 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 75 \\ - 17 \\ \hline 58 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 60 \\ - 43 \\ \hline 17 \end{array}$$

Câu 2. Hãy vẽ thêm kim giờ để đồng hồ chỉ:



3 giờ



20 giờ

Phương pháp giải

Vẽ thêm kim giờ để đồng hồ chỉ 3 giờ, 20 giờ.

Lời giải chi tiết

3 giờ



8 giờ

Câu 3. Bao gạo cân nặng 45 kg, bao gạo nhẹ hơn bao ngô 8 kg. Vậy bao ngô cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

Phương pháp giải

Cân nặng của bao ngô = Cân nặng của bao gạo + 8 kg

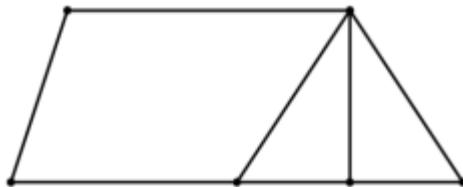
Lời giải chi tiết

Bao ngô cân nặng số ki-lô-gam là

$$45 + 8 = 53 \text{ (kg)}$$

Đáp số: 53 kg

Câu 4. Quan sát hình vẽ dưới đây cho biết:



- Hình vẽ có bao nhiêu điểm?
- Hình vẽ có bao nhiêu đoạn thẳng?
- Hình vẽ có bao nhiêu hình tam giác?

Phương pháp giải

Quan sát hình vẽ để trả lời câu hỏi.

Lời giải chi tiết

- Hình trên có tất cả 6 điểm
- Hình vẽ trên có 11 đoạn thẳng.
- Hình trên có 3 hình tam giác

.....
.....
.....

Câu 2. Tìm x:

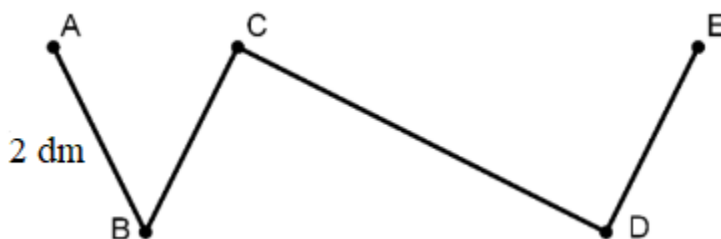
a) $27 + x = 83$

b) $x - 29 = 65$

Câu 3. Một cửa hàng buổi sáng bán được 92 kg gạo. Buổi chiều bán ít hơn buổi sáng 24 kg. Hỏi buổi chiều cửa hàng bán được bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

.....
.....
.....

Câu 4. Cho đường gấp khúc ABCDE dài 95 cm như hình vẽ. Biết $AB = BC = DE$, độ dài đoạn thẳng $AB = 2$ dm. Hỏi đoạn thẳng CD dài bao nhiêu xăng-ti-mét?



HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT – ĐỀ 8

I. TRẮC NGHIỆM

1. D	2. A	3. C	4. D	5. A	6. B
------	------	------	------	------	------

II. TỰ LUẬN

Câu 1. Đặt tính rồi tính:

- a) $66 - 39$ b) $42 - 26$ c) $55 + 37$ d) $63 - 18$

Phương pháp giải

- Đặt tính sao cho các chữ số cùng hàng thẳng cột với nhau
- Cộng hoặc trừ các chữ số thẳng cột lần lượt từ phải sang trái.

Lời giải chi tiết

$$\begin{array}{r} 66 \\ - 39 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 42 \\ - 26 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 55 \\ + 37 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 63 \\ - 18 \\ \hline \end{array}$$

Câu 2.

Tìm x:

- a) $27 + x = 83$ b) $x - 29 = 65$

Phương pháp giải

- Muốn tìm số hạng chưa biết ta lấy tổng trừ đi số hạng kia.
- Muốn tìm số bị trừ ta lấy hiệu cộng với số trừ.

Lời giải chi tiết

$$\begin{aligned} \text{a) } 27 + x &= 83 \\ x &= 83 - 27 \\ x &= 56 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{b) } x - 29 &= 65 \\ x &= 65 + 29 \\ x &= 94 \end{aligned}$$

Câu 3. Một cửa hàng buổi sáng bán được 92 kg gạo. Buổi chiều bán ít hơn buổi sáng 24 kg. Hỏi buổi chiều cửa hàng bán được bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

Phương pháp giải

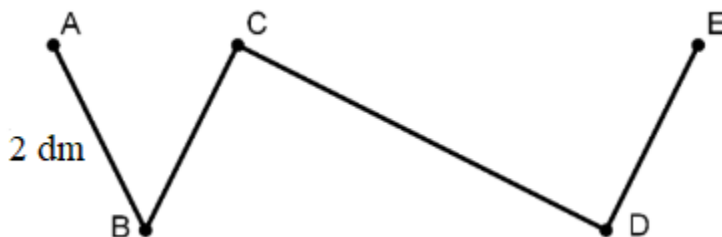
Số kg bán trong buổi chiều = Số kg bán trong buổi sáng – 24 kg

Lời giải chi tiết

$$\begin{aligned} &\text{Buổi chiều cửa hàng bán được số ki-lô-gam gạo là} \\ &92 - 24 = 68 \text{ (kg)} \end{aligned}$$

Đáp số: 68 kg gạo

Câu 4. Cho đường gấp khúc ABCDE dài 95 cm như hình vẽ. Biết $AB = BC = DE$, độ dài đoạn thẳng $AB = 2$ dm. Hỏi đoạn thẳng CD dài bao nhiêu xăng-ti-mét?

**Phương pháp giải**

Độ dài đoạn thẳng CD bằng độ dài đường gấp khúc ABCDE trừ đi độ dài các đoạn thẳng AB, BC, DE.

Lời giải chi tiết

Độ dài đoạn thẳng $AB = BC = DE = 2 \text{ dm} = 20 \text{ cm}$

Ta có độ dài đường gấp khúc $ABCDE = AB + BC + CD + DE$

Nên độ dài đoạn thẳng CD là $95 - 20 - 20 - 20 = 35 \text{ cm}$

Họ và tên:

Lớp:

Môn: Toán – Lớp 2

Bộ sách: Chân trời sáng tạo

Thời gian làm bài: 40 phút

I. TRẮC NGHIỆM

(Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng)

Câu 1. Số lớn nhất có hai chữ số là:

- A. 10 B. 90 C. 99 D. 100

Câu 2. Số liền trước của 69 là:

- A. 60 B. 68 C. 70 D. 80

Câu 3. Hiệu là 18, số trừ là 24, số bị trừ là:

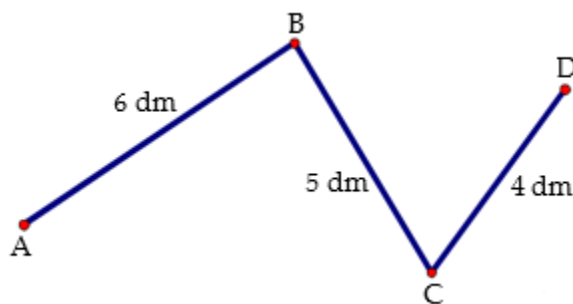
- A. 6 B. 42 C. 32 D. 43

Câu 4. $28 + 72 - 20 = \dots\dots$ Kết quả của phép tính là:

- A. 60 B. 100 C. 70 D. 80

Câu 5. Chuông reo vào học lúc 7 giờ. Bạn An đến trường lúc 8 giờ. Vậy An đi học muộn bao nhiêu phút?

- A. 10 B. 30 C. 40 D. 60

Câu 6. Độ dài đường gấp khúc ABCD là:

- A. 11 dm B. 15 cm C. 10 dm D. 15 dm

Câu 7. Một ngày có giờ. Số cần điền vào chỗ chấm là:

- A. 12 B. 24 C. 14 D. 15

Câu 8. Trong vườn có 45 cây ổi, số cây ổi ít hơn số cây na là 18 cây. Hỏi trong vườn có tất cả bao nhiêu cây na?

- A. 63 cây B. 27 cây C. 62 cây D. 28 cây

PHẦN 2. TỰ LUẬN**Câu 1.** Đặt tính rồi tính:

- a) $29 + 27$ b) $59 + 31$ c) $73 - 25$ d) $81 - 37$

.....
.....
.....

Câu 2. Tìm x:

a) $x - 28 = 44$

b) $100 - x = 36$

.....
.....

Câu 3. Mẹ hái được 38 quả bưởi. Chị hái được 16 quả bưởi. Hỏi mẹ hái nhiều hơn chị bao nhiêu quả bưởi?

.....
.....
.....

Câu 4. Hiệu hai số bằng 74, nếu giữ nguyên số trừ, bớt số bị trừ đi 9 đơn vị thì hiệu hai số khi đó bằng bao nhiêu?

.....
.....
.....

Câu 5. Tìm một số biết rằng lấy số đó cộng với 35 thì được số có hai chữ số giống nhau mà tổng hai chữ số đó bằng 18.

.....
.....
.....
.....

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT – ĐỀ 9

I. TRẮC NGHIỆM

1. C	2. B	3. B	4. D	5. D	6. D	7. B	8. A
------	------	------	------	------	------	------	------

II. TỰ LUẬN

Câu 1. Đặt tính rồi tính:

- a) $29 + 27$ b) $59 + 31$ c) $73 - 25$ d) $81 - 37$

Phương pháp giải

- Đặt tính sao cho các chữ số cùng hàng thẳng cột với nhau
- Cộng hoặc trừ các chữ số thẳng cột lần lượt từ phải sang trái.

Lời giải chi tiết

$$\begin{array}{r} 29 \\ + 27 \\ \hline 56 \end{array} \quad \begin{array}{r} 59 \\ + 31 \\ \hline 90 \end{array} \quad \begin{array}{r} 73 \\ - 25 \\ \hline 48 \end{array} \quad \begin{array}{r} 81 \\ - 37 \\ \hline 44 \end{array}$$

Câu 2. Tìm x:

- a) $x - 28 = 44$ b) $100 - x = 36$

Phương pháp giải

- Muốn tìm số bị trừ ta lấy hiệu cộng với số trừ.
- Muốn tìm số trừ ta lấy số bị trừ trừ đi hiệu

Lời giải chi tiết

a) $x - 28 = 44$

$$x = 44 + 28$$

$$x = 72$$

b) $100 - x = 36$

$$x = 100 - 36$$

$$x = 64$$

Câu 3. Mẹ hái được 38 quả bưởi. Chị hái được 16 quả bưởi. Hỏi mẹ hái nhiều hơn chị bao nhiêu quả bưởi?

Phương pháp giải

Số quả bưởi mẹ hái nhiều hơn chị = Số bưởi mẹ hái – số bưởi chị hái

Lời giải chi tiết

Mẹ hái nhiều hơn chị số quả bưởi là

$$38 - 16 = 22 \text{ (quả)}$$

Đáp số: 22 quả bưởi

Câu 4. Hiệu hai số bằng 74, nếu giữ nguyên số trừ, bớt số bị trừ đi 9 đơn vị thì hiệu hai số khi đó bằng bao nhiêu?

Phương pháp giải

Nếu giữ nguyên số trừ, bớt số bị trừ đi 9 đơn vị thì hiệu hai số đó giảm đi 9 đơn vị.

Lời giải chi tiết

Nếu giữ nguyên số trừ, bớt số bị trừ đi 9 đơn vị thì hiệu hai số đó giảm đi 9 đơn vị.

Vậy hiệu mới là $74 - 9 = 65$

Đáp số: 65

Câu 5. Tìm một số biết rằng lấy số đó cộng với 35 thì được số có hai chữ số giống nhau mà tổng hai chữ số đó bằng 18.

Phương pháp giải

- Tìm số có hai chữ số giống nhau mà tổng hai chữ số bằng 18
- Lấy số vừa tìm được trừ đi 35

Lời giải chi tiết

Ta có $18 = 9 + 9$

Số có hai chữ số giống nhau mà tổng hai chữ số đó bằng 18 là 99.

Số cần tìm là: $99 - 35 = 64$

Đáp số: 64

Họ và tên:

Lớp:

Môn: Toán – Lớp 2

Bộ sách: Chân trời sáng tạo

Thời gian làm bài: 40 phút

I. TRẮC NGHIỆM

(Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng)

Câu 1. Dấu thích hợp điền vào chỗ chấm $23 + 48 \dots 90 - 32$ là:

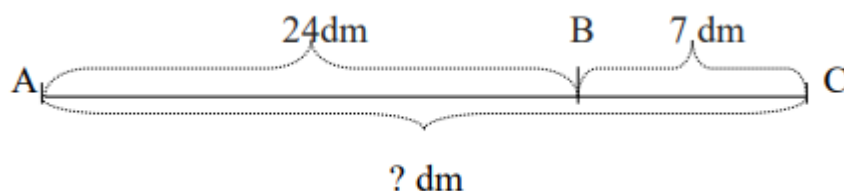
A. < B. > C. =

Câu 2. 4 giờ chiều hay còn gọi là giờ.

A. 18 giờ B. 15 giờ C. 16 giờ D. 17 giờ

Câu 3. Thứ tư tuần này là ngày 13 tháng 12 thì thứ tư tuần sau là ngày tháng 12.

A. 20 B. 21 C. 22 D. 23

Câu 4. Đoạn thẳng AC dài là:

A. 31 dm B. 30 dm C. 94 dm D. 31 cm

Câu 5. $8 \text{ dm} = \dots \text{ cm}$

A. 40 B. 80 C. 8 D. 60

Câu 6. Bao ngô cân nặng 46 kg, bao thóc nặng hơn bao ngô 18 kg. Hỏi bao thóc nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

A. 64 kg B. 28 kg C. 54 kg D. 63 kg

PHẦN 2. TỰ LUẬN**Câu 1.** Đặt tính rồi tính:a) $57 + 28$ b) $81 - 36$ c) $90 - 46$ d) $47 + 29$

.....

.....

.....

Câu 2. Tìm x:a) $x + 28 = 64$ b) $98 - x = 19$

.....

.....

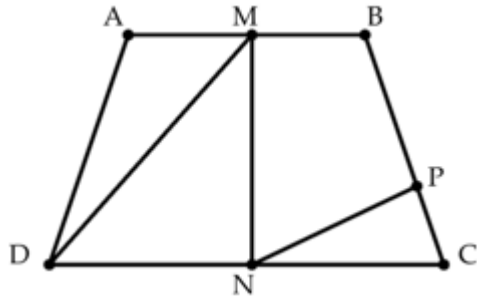
Câu 3. Năm nay bố Lan 43 tuổi. Bố nhiều hơn Lan 29 tuổi. Hỏi năm nay Lan bao nhiêu tuổi?

.....

.....

.....

Câu 4. Quan sát hình vẽ dưới đây cho biết:



- a) Có tất cả bao nhiêu điểm trong hình vẽ trên.
- b) Viết ba điểm thẳng hàng có trong hình vẽ.
- c) Hình trên có bao nhiêu hình tam giác.

.....

.....

.....

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT – ĐỀ 10

I. TRẮC NGHIỆM

1. B	2. C	3. A	4. A	5. B	6. A
------	------	------	------	------	------

II. TỰ LUẬN

Câu 1. Đặt tính rồi tính.

- a) $57 + 28$ b) $81 - 36$ c) $90 - 46$ d) $47 + 29$

Phương pháp giải

- Đặt tính sao cho các chữ số cùng hàng thẳng cột với nhau
- Cộng hoặc trừ các chữ số thẳng cột lần lượt từ phải sang trái.

Lời giải chi tiết

$$\begin{array}{r} 57 \\ + 28 \\ \hline 85 \end{array} \quad \begin{array}{r} 81 \\ - 36 \\ \hline 45 \end{array} \quad \begin{array}{r} 90 \\ - 46 \\ \hline 44 \end{array} \quad \begin{array}{r} 47 \\ + 29 \\ \hline 76 \end{array}$$

Câu 2.

Tìm x:

- a) $x + 28 = 64$ b) $98 - x = 19$

Phương pháp giải

- Muốn tìm số bị trừ ta lấy hiệu cộng với số trừ.
- Muốn tìm số trừ ta lấy số bị trừ trừ đi hiệu

Lời giải chi tiết

a) $x + 28 = 64$

$$x = 64 - 28$$

$$x = 36$$

b) $98 - x = 19$

$$x = 98 - 19$$

$$x = 79$$

Câu 3. Năm nay bố Lan 43 tuổi. Bố nhiều hơn Lan 29 tuổi. Hỏi năm nay Lan bao nhiêu tuổi?

Phương pháp giải

Số tuổi của Lan = Tuổi bố hiện nay – 29 tuổi

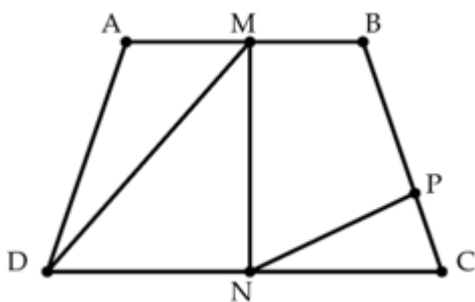
Lời giải chi tiết

Số tuổi của Lan năm nay là

$$43 - 29 = 14 \text{ (tuổi)}$$

Đáp số: 14 tuổi

Câu 4. Quan sát hình vẽ dưới đây cho biết:



- Có tất cả bao nhiêu điểm trong hình vẽ trên.
- Viết ba điểm thẳng hàng có trong hình vẽ.
- Hình trên có bao nhiêu hình tam giác.

Phương pháp giải

Quan sát hình vẽ để trả lời câu hỏi

Lời giải chi tiết

- Trong hình trên có tất cả 7 điểm.
- Ba điểm A, M, B thẳng hàng
Ba điểm B, P, C thẳng hàng
Ba điểm D, N, C thẳng hàng
- Hình trên có 3 hình tam giác.

-----HẾT-----

Loigiaihay.com

Loigiaihay.com

Loigiaihay.com

Loigiai

Loigiaihay.com

Loigiaihay.com

Loigiaiha

Loigiaihay.com